

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-7-2024

Về việc: “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA,**  
**TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1 Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2 Bà Vũ Thị Phương Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Lê Anh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh H – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08-3-2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H1 và ông Nguyễn Hải Đ quen nhau năm 2009, chung sống vợ chồng từ năm 2010, chung sống tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi cưới

sinh sống tại xã T, thành phố B. C sống đến năm 2018 thì ra ở riêng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, tính tình bất đồng, ông Đ không lo làm ăn, không làm việc gì chính đáng, chỉ ham chơi, cờ bạc, ăn nhậu, chửi mắng đánh đuổi bà H1 ra khỏi nhà. Do vậy cuộc sống chung không có hạnh phúc. Cả hai không tự giải quyết được. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông Đ

- Về con chung: Bà H1 và ông Đ có 03 con chung tên Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 10/8/2012, Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Hải Gia H2, sinh ngày 06/5/2016. Cháu Đ1 đang học lớp 6 trường THCS T, cháu Đ2 đang học lớp 4 và cháu H2 đang học lớp 2 trường tiểu học T1 - xã T, thành phố B. Ly hôn, bà H1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 người con chung, bà H1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H1 không yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hải Đ, Tòa án đã thông báo thụ lý, triệu tập hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hải Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi ông Đ cư trú thuộc ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa được biết: ông Đ và bà H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, thuộc tổ A ấp P, xã T, thành phố B nhưng thường vắng nhà. Ông Đ và bà H1 có 03 con chung đang sinh sống tại địa phương, về mâu thuẫn thì không biết chính xác do không có đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương. Hiện nay ông Đ và bà H1 không còn chung sống với nhau.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, tiến hành thu thập đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt không lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn

- Về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không tự giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H1. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Đ1, cháu Đ2 và H2 cho bà H1

trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Bà H1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H1 có đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Hiện nay ông Nguyễn Hải Đ đang cư trú tại thành phố B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Hải Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan. Do vậy, xét xử vắng mặt ông Đ theo Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H1 và ông Nguyễn Hải Đ chung sống vợ chồng từ năm 2010, chung sống tự nguyện, có đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do vậy, hôn nhân giữa bà H1 và ông Đ là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Sau khi cưới vợ chồng bà H1 và ông Đ sinh sống tại xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa. Đến năm 2018 do mâu thuẫn vợ chồng không còn sống chung. Theo bà H1 cung cấp cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, ông Đ không chịu làm ăn, chỉ ham chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, hai bên không tự giải quyết được. Tòa án đã thông báo thụ lý, triệu tập ông Đ đến Tòa án để cung cấp lời khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Đ không chấp hành, như vậy cho thấy ông Đ đã từ bỏ quyền tố tụng của mình. Tòa án đã xác minh tại khu phố nơi vợ chồng bà H1 và ông Đ sinh sống cho thấy hiện nay vợ chồng bà H1 và ông Đ không còn chung sống với nhau. Từ những cơ sở trên cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H1 và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc H1 được ly hôn ông Nguyễn Hải Đ

[3] Về con chung: Bà H1 và ông Đ có 03 con chung tên Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 10/8/2012, Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Hải Gia H2, sinh ngày 06/5/2016. Cháu Đ1 đang học lớp 6 trường THCS T, cháu Đ2 đang học lớp 4

và cháu H2 đang học lớp 2 trường tiểu học T1 - xã T, thành phố B. Xét thấy, cuộc sống của các cháu bảo đảm về mọi mặt, ông Đ không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung, bà H1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 người con chung, cả 03 cháu Đ1, Đ2 và H2 đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Do vậy, có căn cứ để giao cho bà H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Bà H1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Bà H1 phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H1 đối với ông Nguyễn Hải Đ về việc ly hôn, nuôi con.

2 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H1 được ly hôn ông Nguyễn Hải Đ

3. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Ngọc H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 10/8/2012, Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Hải Gia H2, sinh ngày 06/5/2016

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001065, ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã Tân Hưng, TP Bà Rịa
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu

**Nguyễn Trọng Anh**